

**Đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA****Chương: 599****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày / 01/2026 của Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa)

Dvt: Đồng

| Số TT      | Nội dung                                                              | Dự toán được giao     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>A</b>   | <b>DỰ TOÁN THU</b>                                                    |                       |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu</b>                                                    | <b>36.750.069.441</b> |
| 1          | Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang                                  | 6.625.766.649         |
| 2          | Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý                            | 18.099.161.520        |
| 3          | Dự án bổ sung trong năm (nếu có)                                      |                       |
| 4          | Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế phải nộp | 2.768.459.817         |
| 5          | Nguồn thu hợp pháp khác                                               | 9.256.681.455         |
| 6          | Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)                                            |                       |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>                 | <b>0</b>              |
| <b>III</b> | <b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II)</b>               | <b>36.750.069.441</b> |
| <b>B</b>   | <b>DỰ TOÁN CHI</b>                                                    | <b>36.750.069.441</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi thường xuyên</b>                                               | <b>14.502.688.890</b> |
| 1          | Tiền lương                                                            | 8.974.526.102         |
| 2          | Các khoản phụ cấp lương                                               | 7.600.000             |
| 3          | Các khoản trích nộp theo lương                                        | 2.130.462.788         |
| 4          | Khen thưởng                                                           | 150.000.000           |
| 5          | Phúc lợi                                                              | 446.300.000           |
| 6          | Thanh toán dịch vụ công cộng                                          | 300.000.000           |
| 7          | Mua vật tư văn phòng                                                  | 250.000.000           |
| 8          | Thanh toán thông tin, tuyên truyền                                    | 130.000.000           |
| 9          | Hội nghị                                                              | 15.000.000            |
| 10         | Công tác phí                                                          | 193.800.000           |
| 11         | Thuê mướn                                                             | 120.000.000           |
| 12         | Đoàn đi công tác tại nước ngoài                                       | 0                     |
| 13         | Đoàn vào                                                              | 0                     |
| 14         | Sửa chữa thường xuyên tài sản                                         | 200.000.000           |
| 15         | Mua sắm tài sản phục vụ quản lý                                       | 0                     |
| 16         | Chi phí khác                                                          | 565.000.000           |
| 17         | Dự phòng                                                              | 1.020.000.000         |

|            |                                                  |                       |
|------------|--------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>II</b>  | <b>Chi không thường xuyên</b>                    | <b>0</b>              |
| 1          | Chi đầu tư xây dựng cơ bản                       | 0                     |
| 2          | Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý | 0                     |
| 3          | Sửa chữa lớn tài sản cố định                     | 0                     |
| 4          | Chi thực hiện tình giảm biên chế (nếu có)        | 0                     |
| 5          | Chi khác                                         | 0                     |
| <b>III</b> | <b>Dự kiến phân phối kết quả tài chính</b>       | <b>22.247.380.551</b> |